TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/DSST
Ngày: 19 – 9 – 2018
T/c: Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG

-Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Ông Bùi Chí Linh.
- *Các hội thẩm nhân dân:*

Ông Cao Trọng Mãnh

Bà Lê Thị Mỹ

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ưng- Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Thị Thu Thủy- Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2017/TLST- DS ngày 05 tháng 5 năm 2017 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐXX-ST ngày 18 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị T,** sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hiệp An, xã T Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Bà **Trần Thanh N,** sinh năm 1949 (vắng mặt).

Ông **Trần Minh H,** sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 13 lô 10 Khu dân C phường Vĩnh Lợi, khu phố 4, phường Vĩnh Lợi, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn C**, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Hiệp An, xã T Liễu, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-01-2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá bà Ngô Thị T trình bày như sau:

Do bà T và ông H là bạn học nhiều năm lại ở cùng xóm và thân quen nên vào năm 2013 nhà nước có chủ trương xây dựng cụm dân C và giải quyết cho gia đình bà N và cùng con trai Trần Minh H một nền nhà và có thỏa thuận nhờ bà T hỗ trợ bằng cách quen biết bảo lãnh mua vật liệu xây dựng để xây dựng căn nhà với số tiền hơn một trăm triệu đồng. Cụ thể tại hóa đơn bán vật liệu xây dựng đợt 1: ngày 10/10/2013 và đợt 2 ngày 25/10/2013 (có hóa đơn kèm theo), đồng thời còn nhiều lần tôi chuyển tiền qua đường bưu điện (Có phiếu chuyển kèm đơn). Ngoài ra có những khoản tiền không có hóa đơn nhưng thật sự có chi ra và hứa làm nhà xong thì lo trả dần lại cho bà T nhưng sau khi làm nhà xong thì bà N và ông H không trả lại cho bà T, qua nhiều lần trao đổi thì theo yêu cầu của bà N chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 70.000.000 đồng với hình thức thanh toán mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền trên thì bà N và H mới đồng ý ký vào biên nhận thanh toán tiền ngày 06/6/2016 còn hứa nếu bán được nhà thì trả tiền cho bà T một lần nhưng sau đó bà N và H không thực hiện đúng cam kết. Ngoài ra, bà N còn mượn riêng bà T số tiền 6.000.000 đồng (có biên nhận nợ ngày 10/4/2016). Bà T còn đưa khoản tiền không giấy tờ sau: trả tiền cát nền 6.000.000 đồng giao cho bà N; còn lại các khoản tiền khác như tiền cửa sắt 5.000.000 đồng; tiền la phong 5.000.000 đồng; tiền cửa cổng rào 3.000.000 đồng và tiền trả công thợ 10.000.000 đồng (giao nhận tại xã T Liễu). Tổng cộng các khoản tiền là 105.000.000 đồng. Nay bà T yêu cầu bà N và ông H có trách nhiệm cùng trả số tiền trên tổng cộng tiền còn thiếu là 105.000.000 đồng và tính tiền lãi phát sinh từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày xét xử.

*** Bà Trần Thanh N trình bày tại biên bản hòa ngày 17/8/2018 và ngày 29/8/2017 như sau:**

Trước đây bà T và ông H có mối quan hệ bạn bè nên vào năm 2013 bà T có cho ông H vay số tiền theo biên nhận là 70.000.000đ. Ngoài ra bà N có nhận của bà T số tiền 6.000.000đ để đưa cho ông H còn mục đích gì bà không biết. Theo thỏa thuận ngày 06/6/2016 bà N trả được 4.000.000đ còn lại 72.000.000đ. Bà N xin trả dần mỗi tháng 1.500.000đ đến khi hết số nợ 72.000.000đ.

*** Ông Trần Minh H trình bày ngày 20/8/2017 và tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2017 như sau:**

Ông H thừa nhận có ký biên nhận nợ ngày 6/6/2016 với số tiền 70.000.000đ cho bà T, số tiền này ông H sử dụng để mua vật liệu xây dựng để xây nhà ở. Ngoài ra các số tiền khác ông không biết, nay ông đã trả được cho bà T 4.000.000đ chỉ

còn nợ lại bà T 66.000.000đ. Ông H yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000đ đến khi trả hết số nợ 66.000.000đ.

*** Ông Nguyễn Văn C trình bày tại bản tường trình ngày 26/2/2018 như sau:**

Ông C không yêu cầu bà N và ông H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với ông, ông chỉ yêu cầu bà N và ông H sớm thanh toán số nợ trên cho vợ ông là bà T. Ông xin được vắng mặt tất cả các thủ tục tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa:

Bà Ngô Thị T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu bà N và ông H trả số tiền vay gốc là 72.000.000đ (bảy mươi hai triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử đề nghị Thẩm phán rút kinh nghiệm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T, buộc bà N và ông H phải liên đới trả cho bà T số tiền vay gốc là 66.000.000đ theo biên nhận ngày 06/6/2016. Riêng bà N phải trả cho bà T số tiền 6.000.000đ theo biên nhận nợ ngày 10/4/2016.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị T đối với số tiền 33.000.000đ, do tại phiên tòa hôm nay bà T tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

+ Về thẩm quyền: Bà Ngô Thị T tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Trần Thanh N và ông Trần Minh H là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo qui định tại khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn C có đơn xin xử vắng mặt với lý do bận công việc. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự các văn bản tố tụng tuy nhiên bị đơn bà Trần Thanh N và ông Trần Minh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn cũng đồng ý xử vắng mặt các đương sự trên. Do đó, căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng các đương sự trên. Hội đồng xét xử sẽ

căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của đương sự tại phiên tòa để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những nội dung liên quan đến vụ án:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/01/2017 bà Ngô Thị T yêu cầu ông Trần Minh H và bà Trần Thanh N phải trả số tiền vay gốc là 105.000.000đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 25/10/2013 theo lãi suất 1,27%/tháng cho đến nay. Nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Ngô Thị T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà N và ông H trả số tiền vay gốc là 72.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 33.000.000đ của bà Ngô Thị T kiện bà Trần Thanh N và ông Nguyễn Minh H.

Xét thấy tại giấy biên nhận thanh toán tiền ngày 06/6/2016 bà Trần Thanh N và ông Trần Minh H đã thừa nhận có vay của bà T số tiền 70.000.000đ để mua vật liệu xây dựng nhà, hai bên không có thỏa thuận lãi suất và cam kết mỗi tháng trả 1.000.000đ kể từ ngày 15/8/2016 âl. Nội dung biên nhận này là phù hợp với lời khai của cả nguyên đơn và bị đơn. Ngoài ra, bà Ngô Thị T cũng thừa nhận đến ngày 15/12/2016 phía bà N và ông H có trả cho bà 4.000.000đ theo thỏa thuận trên và tại biên bản hòa giải ngày 17/8/2017 và biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2017 ông H và bà N cũng thống nhất với số tiền này. Do đó, bà Ngô Thị T yêu cầu ông H và bà N phải trả số tiền 66.000.000đ là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của bà T buộc bà Trần Thanh N và ông H trả số tiền vay gốc là 6.000.000đ. Xét thấy tại biên nhận ngày 10/4/2016 và những lời khai của bà N tại Tòa án đều thừa nhận có nợ của bà T số tiền 6.000.000đ, bà N cho rằng số tiền này cũng sử dụng vào việc xây nhà của ông H nhưng ông H không thừa nhận số tiền này, do đó chỉ có căn cứ để buộc bà N trả nợ không có căn cứ để buộc ông H trả số tiền này.

Xét thấy, nội dung các đương sự giao kết hợp đồng vay là tự nguyện theo quy định tại khoản 1 Điều 122, khoản 1 Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2005, nên khi có tranh chấp bên bị vi phạm nghĩa vụ sẽ được pháp luật bảo vệ. Căn cứ Điều 91, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh; và áp dụng Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định về hợp đồng vay và nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn- bà Ngô Thị T, buộc bị đơn- bà Trần Thanh N và ông Trần Minh H phải liên đới trả cho Ngô Thị Thủ số tiền vay gốc là 66.000.000đ.

Ngoài ra bà Trần Thanh N còn phải trả cho bà Ngô Thị T số tiền vay gốc là 6.000.000đ theo nhận ngày 10/4/2016.

Đối với yêu cầu xin trả nợ dần của của bà N và ông H: tại phiên tòa hôm nay bà Ngô Thị T không đồng ý để bà N và ông H trả dần số nợ trên, do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thanh N và ông Trần Minh H phải liên đới nộp án phí trên số tiền phải trả cho bà T là: 66.000.000đ x 5% = 3.300.000đ (ba triệu ba trăm ngàn đồng)

Ngoài ra bà Trần Thanh N còn phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho bà T là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng)

Hoàn trả cho bà Ngô Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.850.000đ (ba triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007229 ngày 20/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 244, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự

- Áp dụng: Điều 298, khoản 1 Điều 302, điều 305, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016) của UB thường vụ Quốc Hội.

Xử :

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn –bà Ngô Thị T về việc "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với bị đơn- ông Trần Minh H và bà Trần Thanh N

-Buộc ông Trần Minh H và bà Trần Thanh N có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Thị T số tiền vay gốc là 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng)

- Buộc bà Trần Thanh N có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị T số tiền vay gốc là 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 33.000.000đ của bà Ngô Thị T kiện bà Trần Thanh N và ông Nguyễn Minh H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Buộc bà Trần Thanh N và ông Trần Minh H phải liên đới nộp án phí trên số tiền phải trả cho bà T là: 66.000.000đ x 5% = 3.300.000đ (ba triệu ba trăm ngàn đồng)

- Riêng bà Trần Thanh N còn phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho bà T là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng)

Hoàn trả cho bà Ngô Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.850.000đ (ba triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007229 ngày 20/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị Cỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKS
- Phòng GĐKT
- Lưu vp

BÙI CHÍ LINH